

Bản án số: 37/2024/HN&GD-ST

Ngày: 15/8/2024

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Đỗ Thị Hạnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Đồng Thị Mây và ông Trần Văn Tích

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2024/TLST-HN&GD ngày 22/5/2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXX-ST ngày 10/7/2024, quyết định hoãn phiên toà số 31/2024/QĐ-TA ngày 29/7/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1994

ĐKHKTT: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương

*Bị đơn:* Anh Vũ Văn M – sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh M vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Vũ Văn M kết hôn năm 2021 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nhưng không tổ chức lễ cưới. Nhưng anh chị có con với nhau trước khi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn xong chị vẫn chung sống cùng với bố mẹ chị ở thôn C, xã K mà không về chung sống ở xã P. Anh M có theo chị xuống ở nhà bố mẹ chị được vài tháng thì đến đầu năm 2022 anh M về trên P ở còn chị vẫn nhà bố mẹ chị. Lý do anh M bỏ về nhà ở xã P là do anh M thường xuyên uống rượu và chơi bời và về nhà đánh đập chị thậm tệ, anh M còn nói với bố mẹ chị là muốn ly hôn

chị, không muốn chung sống cùng chị nữa. Anh chị ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Anh M có 01 lần đến nhà chị báo chị về xã P nhưng chị không quay về cùng anh M. Trong quá trình khi chung sống cùng anh M thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xúc phạm và thậm chí anh M thường xuyên đánh chị. Nguyên nhân do anh M không chịu làm ăn thường xuyên uống rượu và chơi cờ bạc bên ngoài, thậm chí còn cầm cố tài sản trong nhà để đi đánh bạc, về nhà thường gây sự chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị cũng đã khuyên bảo và tha thứ cho anh M nhiều lần nhưng anh M vẫn không chịu thay đổi, vẫn cứng đầu tịt tịt. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn căng thẳng, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

*Về con chung:* Chị và anh M có 01 con chung Vũ Nguyễn Kim N1, sinh ngày 10/5/2021. Hiện tại cháu N1 đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu N1. Chị tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị làm công ty P tại Hải Phòng, với thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/1 tháng. Bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện về chỗ ăn ở để chị nuôi con nên nếu giao con chung cho chị nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo tốt cho con chung. Còn anh M chỉ chơi cờ bạc nên không thể nuôi được con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị và anh M không có tài sản chung, nợ chung, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh M và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh M, thông qua các nội dung văn bản giao nhận nhưng anh M từ chối không nhận, không ký, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Tại biên bản làm việc ngày 17/6/2024 tại gia đình anh M, anh M xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn, hai bên mâu thuẫn với nhau hơn 1 năm nay. Nguyên nhân là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, hai bên không thống nhất được với nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình và đã ly thân hơn 1 năm nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa và xác định không còn tình cảm gì nên cũng không nói chuyện với nhau. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh thì tùy chị N. Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung Vũ Nguyễn Kim N1, sinh ngày 01/5/2021, hiện tại đang ở với chị N, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Trần Thị B là mẹ đẻ của anh M trình bày: Anh M và chị N không được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương mà tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn chị N và anh M chung sống với nhau tại gia đình nhà chị N. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, bất đồng

quan điểm sống, xây dựng kinh tế và nuôi dạy con. Do mâu thuẫn nên anh **M** đã bỏ về nhà bà ở hơn 1 năm nay, còn chị **N** vẫn ở với bố mẹ chị **N**. Nay chị **N** có đơn ly hôn anh **M**. Bà đề nghị Toà án sớm giải quyết ly hôn cho hai bên để mỗi người có cuộc sống riêng. Chị **N** và anh **M** có 01 con chung hiện tại đang ở với chị **N**. Bà đề nghị Toà án giao con chung cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc vì anh **M** không chăm sóc được con.

Tại đơn trình bày của bà **Nguyễn Thị M1** là mẹ đẻ chị **N** trình bày: Anh **M** và chị **N** sau khi kết hôn có về chung sống tại gia đình bà khoảng hơn 1 năm thì anh **M** cờ bạc, nợ nần, không chịu làm, đánh đập cháu **N**. Do mâu thuẫn nên anh **M** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở gần 2 năm nay và anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Hiện tại chị **N** vẫn đang nuôi con chung là cháu **Vũ Nguyễn Kim N1**. Nếu chị **N** được nuôi con thì bà vẫn luôn tạo điều kiện để chị **N** nuôi con.

Tại biên bản xác minh tại **xã P** xác định: Chị **N** và anh **M** trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, mâu thuẫn trong xây dựng kinh tế, hai bên không còn chung sống với nhau nữa.

Tại phiên tòa: Chị **N**, anh **M** vắng mặt và chị **N** có đơn xin xét xử vắng mặt, chị **N** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh **M**, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị **Nguyễn Thị N** được ly hôn anh **Vũ Văn M**. Về con chung: Giao con chung **Vũ Nguyễn Kim N1**, sinh ngày 10/5/2021 cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị **N** không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **M** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **N**, anh **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị **Nguyễn Thị N** yêu cầu xin ly hôn anh **Vũ Văn M** và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp

luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung. Bị đơn anh **M** hiện đang cư trú tại **xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị **N** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh **M** đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh **M**, chị **N**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Vũ Văn M** kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương** là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị **N** thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **N**, anh **M** do trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, xây dựng kinh tế, vợ chồng không còn sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng nhau, anh **M** ham chơi, không quan tâm gì đến gia đình. Vợ chồng ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Anh **M** cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị **N** và anh xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, anh vắng mặt tại phiên hoà giải. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **N**, anh **M** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị N** xin được ly hôn anh **Vũ Văn M** là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị **N**, anh **M** có 01 con chung **Vũ Nguyễn Kim N1**, sinh ngày 10/5/2021. Chị **N** có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, anh **M** không trình bày quan điểm. Xét thấy con chung **Vũ Nguyễn Kim N1** đang ở cùng chị **N**, cháu còn nhỏ và là con gái hơn hết cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị **N** có công việc và thu nhập ổn định, gia đình chị **N** luôn tạo điều kiện tốt nhất để chị nuôi con, anh **M** không bày tỏ quan điểm nên để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về tâm sinh lý và cuộc sống của con chung nên cần giao con chung **Vũ Nguyễn Kim N1** cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **N** không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **N**, anh **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **N** có đơn xin ly hôn nên chị **N** phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Vũ Văn M.  
2. Về con chung: Chị N và anh M có 01 con chung Vũ Nguyễn Kim N1, sinh ngày 10/5/2021. Giao con chung Vũ Nguyễn Kim N1 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo ký hiệu: BLTU/23 số 0002027 ngày 22 tháng 5 năm 2024. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị N, anh M. Chị N, anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Kim Đính, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đỗ Thị Hạnh**